Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 2588-1213
Tập 135, Số 6D, 2026, *Tr. 49–67*; **DOI:** 10.26459/hueunijssh.v135i6D.7678

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VÀO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG: TRƯỜNG HỢP ĐIỂM ĐẾN TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Thị Kiều Nga[1,2], Huỳnh Văn Đà[3], Hồ Thị Hương Lan[4]

[1] Trường Du lịch, Đại học Huế;

[2] Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long

[3] Đại học Cần Thơ

[4] Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thị Kiều Nga** <ntknga.dl@hueuni.edu.vn>

(*Ngày nhận bài: 14-11-2024; Ngày chấp nhận đăng: 29-04-2026*)

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu này là khám phá vai trò, mức độ tham gia của người dân địa phương và những lợi ích, những rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch bền vững. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp định tính thông qua thảo luận nhóm mục tiêu đối với người dân địa phương có tham gia phục vụ du lịch tại 3 điểm du lịch tiêu biểu của tỉnh Vĩnh Long: Somofarm Cửu Long, Khu du lịch Bến Thành Vinh Sang và Út Trinh homestay. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của người dân địa phương chỉ mới dừng lại ở mức "thụ động" và 04 yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch, bao gồm: (1) nhận thức của người dân địa phương; (2) lực lượng lao động kế thừa của các hộ nhà vườn làm du lịch; (3) sự tự phát trong hoạt động kinh doanh du lịch nhà vườn; (4) Những khuyến khích tạo động lực cho người dân tham gia hoạt động du lịch. Từ kết quả đó, bài viết cũng thảo luận và đề xuất một số hàm ý nhằm thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững tỉnh Vĩnh Long.

Từ khóa: Sự tham gia; người dân địa phương; phát triển; du lịch bền vững; điểm đến Vĩnh Long

LOCAL PEOPLE'S PARTICIPATION IN SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT: THE CASE OF VINH LONG DESTINATION

Kieu-Nga Nguyen Thi[1,2], Da Huynh Van[3], Huong Lan Ho Thi[4]

[1] School Hospitality and Tourism – Hue University,

[2] Vinh Long University of Technology Education

[3] Can Tho University

[4] University of Economics – Hue University

Corresponding author: **Kieu-Nga Nguyen Thi** <ntknga.dl@hueuni.edu.vn>

(*Received: November 14, 2024; Accepted: April 29, 2026*)

Abstract: This study aims to explore the role, level of participation of local people, as well as the benefits and barriers influencing the participation of local people in sustainable tourism development. The principal research method is qualitative through focus group discussions with local people participating in tourism services at 3 typical tourist sites of Vinh Long province: Somofarm Cuu Long, Ben Thanh Vinh Sang tourist area and Ut Trinh homestay. The research results show that the role of local people is only at the "passive" level and 04 factors affecting their participation in tourism activities, including: (1) awareness of local people; (2) the inherited labor force of garden households doing tourism; (3) spontaneity in garden tourism business activities; (4) Incentives to motivate people to participate in tourism activities. From those results, the article also discusses and proposes some implications to promote local people's participation toward sustainable tourism development in Vinh Long province.

Keywords: Participation; local people; development; sustainable tourism; Vinh Long destination

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bất ổn về kinh tế – chính trị, dịch bệnh, phát triển du lịch bền vững trở thành định hướng chiến lược của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự tham gia của người dân địa phương (NDĐP) đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải địa phương nào cũng dễ dàng phát huy được tính chủ động tham gia của NDĐP vào phát triển du lịch bền vững [1], [2], [3].

Tại tỉnh Vĩnh Long, với lợi thế về hệ sinh thái sông nước, tạo nên vùng đất màu mỡ phù sa có nhiều vườn cây ăn trái quanh năm, kết hợp văn hóa miệt vườn, đặc trưng của vùng Đồng

bằng sông Cửu Long, du lịch đang trở thành một ngành kinh tế nhiều tiềm năng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động du lịch vẫn còn chưa đồng đều và chưa phát huy hết vai trò trong phát triển du lịch bền vững. Nhiều nghiên cứu trước đây tập trung vào du lịch cộng đồng hoặc du lịch nông thôn nói chung, trong khi chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững tại Vĩnh Long, đặc biệt là trong việc xác định các yếu tố về lợi ích và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân. Từ khoảng trống đó, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi: Người dân Vĩnh Long hiện tham gia vào hoạt động du lịch ở mức độ nào? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tham gia của họ? Từ đó, đề xuất các hàm ý, chính sách nhằm tăng cường thúc đẩy sự tham gia của họ trong phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về Du lịch bền vững và Sự tham của người dân địa phương trong phát triển du lịch

2.1.1. Du lịch bền vững

Khái niệm du lịch bền vững hiện nay vẫn đang vấp phải những tranh luận về tính bền vững mà hàm ý chính xác của "bền vững" mong muốn và truyền tải [4]. Từ Hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa: *"Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai"* [5]. Theo khái niệm này, người dân bản địa được đề cập đến như là thành phần quan trọng cùng với khách du lịch, được đáp ứng nhu cầu ở hiện tại và cả tương lai, thông qua đó bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên khai thác, phục vụ nhằm phát triển du lịch.

2.1.2. Sự tham của người dân địa phương trong phát triển du lịch

Sự tham gia của người dân địa phương được xem là một yếu tố nền tảng trong các chiến lược phát triển du lịch bền vững. Bởi vì, NDĐP khi tham gia hoạt động du lịch sẽ thực hiện nhiều vai trò khác nhau, như: bảo tồn và gìn giữ văn hoá, di sản địa phương; quản lý và bảo vệ môi trường; phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo; góp phần phát triển kinh tế địa phương; nâng cao nhận thức và thái độ du khách về bảo vệ tài nguyên du lịch. Scheyvens (1999) nhấn mạnh vai trò của việc trao quyền cho cộng đồng thông qua các hình thức tham gia từ biểu tượng đến thực chất, nhằm tăng cường khả năng kiểm soát và làm chủ tài nguyên địa phương, nhất là trong bối cảnh du lịch bền vững, sự tham gia của cộng đồng không chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ hay lao động, mà còn bao gồm việc tham gia vào quá trình ra quyết định, hoạch định chính sách và giám sát hoạt động du lịch. Đồng quan điểm, Tosun (2000), đã nhận định sự tham gia được hiểu là "một quá trình trong đó cộng đồng địa phương có khả năng ảnh

hưởng đến quá trình ra quyết định và phân phối lợi ích từ du lịch"[6]. Theo nghiên cứu Arnstein (1969) thì NDĐP tham gia vào hoạt động du lịch xếp theo thang bậc, gồm 8 cấp độ, từ "manipulation" (bị thao túng) đến "citizen control" (người dân làm chủ), chia thành 3 nhóm chính: không tham gia, tham gia hình thức và tham gia thực chất. Mô hình này giúp phân loại và đánh giá chất lượng sự tham gia trong các dự án phát triển. Khi phân chia mức độ tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch, Tosun (2000), đã đưa ra 3 dạng tham gia chính của người dân địa phương, đó là: (1) Tham gia thụ động; (2) Tham gia biểu tượng; (3) Tham gia thực chất. Theo nghiên cứu của Pretty NDĐP tham gia hoạt động du lịch với mô hình 7 bậc, lần lượt theo tiêu chí cho các bậc từ 1 đến 7 là: Thụ động; Thông tin; Tư vấn; Khuyến khích; Chức năng; Tương tác; Chủ động [7]. Tại Việt Nam, điều 6, Luật Du lịch 2017 (Quốc hội Việt Nam, 2017) quy định rõ ràng sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch, bao gồm quyền tham gia và thụ hưởng những lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch mang lại, thực hiện vai trò và trách nhiệm cụ thể: "- Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường; - Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống, sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của NDĐP".

2.2. Tổng quan nghiên cứu Sự tham gia của NDĐP vào phát triển du lịch bền vững

Chủ đề nghiên cứu sự tham gia của NDĐP vào hoạt động phát triển du lịch bền vững được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu: Brokaj (2014) [5]; Lê Chí Công và cộng sự (2017) [8]; Nguyễn Đoàn Hạnh Dung, Trương Thị Thu Hà (2019) [1]; Johnston & Tyrrell (2005) [4]; Kurniawati & Adinata (2018) [9]; Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019) [7]; Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự (2022) [3]; Mai Lệ Quyên (2017) [10]; Huỳnh Thanh Tâm (2024) [11]; Nguyễn Văn Tâm và cộng sự (2024) [12]; Hồ Thị Thanh Thanh, Nguyễn Thị Như Hoa (2022) [2]; Bùi Thế Tuân và cộng sự (2023) [13]… Về cơ bản, sự tham gia của NDĐP trong các nghiên cứu này được hiểu là quá trình NDĐP cùng tham gia vào quá trình ra quyết định, phục vụ du lịch, khai thác du lịch, góp phần phát triển du lịch địa phương, cùng chia sẻ những lợi ích mà du lịch mang lại. Có thể thấy rằng, tuỳ vào góc độ nghiên cứu và điểm đến du lịch địa phương mà các quan điểm, mức độ về sự tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch có thể khác nhau. Trong nghiên cứu của Hồ Thị Thanh Thanh, Nguyễn Thị Như Hoa (2022) [2] đã tiếp cận và vận dụng lý thuyết mức độ tham gia của Tosun (1999) với 3 dạng tham gia của cộng đồng, gồm: (1) Sự tham gia tự phát; (2) Sự tham gia mang tính hình thức; (3) Sự tham gia bắt buộc. Theo đó, sự tham gia của cộng đồng địa phương tại các điểm đến du lịch khác nhau sẽ có mức độ khác nhau, từ ra quyết định đến chia sẻ lợi ích và xác định các loại hình cũng như quy mô phát triển du lịch của địa phương hay điểm đến đó. Nguyễn Bùi Anh Thư và cộng sự (2019) đã áp dụng mô hình 7 bậc của Pretty, lần lượt theo tiêu chí cho các bậc từ 1 đến 7 là: Thụ động; Thông tin; Tư vấn;

Khuyến khích; Chức năng; Tương tác; Chủ động. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Nhung (2014) [14] đề cập đến mô hình của Arnstein (1969) để đánh giá sự tham gia của NDĐP bao gồm 8 cấp độ được sắp xếp trong một mô hình bậc thang với mỗi bậc tương ứng mức độ quyền lực của người dân trong cộng đồng: (1) Vận động/lôi kéo; (2) Biện pháp; (3) Thông báo; (4) Tham vấn; (5) Động viên; (6) Hợp tác; (7) Được trao quyền; (8) Kiểm soát.

Hầu hết, các nghiên cứu cho thấy nhận thức của NDĐP là một trong những yếu tố quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến hành vi quyết định và mức độ tham gia của họ trong sự phát triển du lịch điểm đến. "Nhận thức và thái độ của người dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất tác động đến sự tham gia của họ vào phát triển du lịch địa phương" [1]. "Thái độ của cộng đồng địa phương tham gia chương trình PTDLBV chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi nhận thức chất lượng cuộc sống, trong khi nhận thức về lợi ích kinh tế, lợi ích văn hóa – xã hội và lợi ích bảo vệ tài nguyên tác động tích cực lên nhận thức về chất lượng cuộc sống"; " hành vi tham gia chương trình PTDLBV chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của thái độ và nhận thức về chất lượng cuộc sống" [8].

Nhận thức tích cực, thấy rõ được giá trị mang lại khi tham gia vào hoạt động du lịch, NDĐP sẽ chủ động hơn theo từng mức độ, thang bậc tham gia mà các nhà nghiên cứu đã xác định. "Cộng đồng làng đã thể hiện phản ứng tích cực đối với các hoạt động nhằm mục đích phúc lợi xã hội" [9]. Bùi Thế Tuân và cộng sự (2023) thì cho rằng "NDĐP có thể tham gia phù hợp với từng đối tượng và mức độ khác nhau nhằm tạo ra chuỗi giá trị bền vững" [13]. Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự (2022), cũng nhận định "sự tham gia tích cực của NDĐP trong phát triển du lịch sẽ mang lại nhiều lợi ích cho họ, cho du khách, cho điểm đến và địa phương, đồng thời, sẽ dễ dàng đạt được mục tiêu phát triển du lịch bền vững" [3]. Nguyễn Văn Tâm và cộng sự (2024) trong nghiên cứu tổng hợp từ 16 nghiên cứu liên quan đến chủ đề sự tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch, đã tổng hợp 07 yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự tham gia của người dân, đó là: (1) nhận thức của người dân; (2) điều kiện kinh tế của người dân; (3) năng lực phục vụ du khách của người dân; (4) lợi ích kinh tế do hoạt động du lịch mang lại; (5) sự vào cuộc của chính quyền địa phương; (6) cơ chế và chính sách của Nhà nước; (7) tài nguyên du lịch của địa phương và gia đình có ảnh hưởng lớn đến sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch nông thôn" [12].

3. Bối cảnh nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Vĩnh Long là một tỉnh nổi tiếng với du lịch miệt vườn từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ 20. Homestay Vĩnh Long là sản phẩm du lịch được mệnh danh là "đệ nhất" khu vực Đồng bằng sông Cửu Long do 3 lần đạt giải thưởng Homestay Asian (2015, 2017 và 2023). Các sản phẩm du lịch văn hoá đặc sắc như Đờn ca tài tử, Nghệ thuật Hát Bội gắn liền với các làng

nghề hàng trăm năm tuổi như Làng nghề Bánh tráng cù lao Mây, làng nghề Tàu hủ ky Mỹ Hoà, đặc biệt là làng gốm đỏ Mang Thít được mệnh danh là "di sản đương đại". Vĩnh Long còn được mệnh danh "địa linh nhân kiệt", nổi tiếng với các điểm di tích Văn Thánh Miếu, Khu lưu niệm Cố chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng, Khu lưu niệm Viện sĩ Trần Đại Nghĩa, Khu tưởng niệm Thủ Tướng Võ Văn Kiệt. Hầu hết các sản phẩm dịch vụ du lịch này đều đòi hỏi sự tham gia và đóng góp của NDĐP rất lớn. Tuy nhiên, sự tham gia của NDĐP này vào phát triển hoạt động du lịch những năm qua chưa phát huy hết những vai trò quan trọng của họ. Để có cơ sở thúc đẩy sự tham gia của người dân trong thời gian tới, việc tìm hiểu thực tế sự tham gia của người dân vào phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long theo hướng bền vững là rất cần thiết khi hiện tại rất ít các công trình nghiên cứu công bố liên quan chủ đề, liên quan bối cảnh du lịch Vĩnh Long.

Đặc trưng của du lịch Vĩnh Long là du lịch sông nước miệt vườn, nhóm nghiên cứu chọn ba địa điểm du lịch mang đặc trưng này, bao gồm: Khu du lịch (KDL) Bến Thành Vinh Sang, Út Trinh homestay và Somofarm Cửu Long. Tuy cùng dựa trên việc khai thác tài nguyên du lịch tương đồng của địa phương nhưng mô hình quản lý và kinh doanh của 3 địa điểm du lịch này khác nhau.

* KDL Bến Thành Vinh Sang toạ lạc tại Tổ 14, thuộc ấp An Thuận, xã An Bình, huyện Long Hồ của Vĩnh Long. Tiền thân của KDL Bến Thành Vinh Sang là Công ty TNHH TM – DV – Du lịch Vinh Sang thành lập năm 2005, với diện tích 2,2 hecta. Tháng 8/2024 CTCP Dịch vụ Du lịch Bến Thành (BenThanh Tourist, UPCoM: BTV) đã hoàn tất việc đầu tư mua 100% cổ phần tại Công ty này. KDL Bến Thành Vinh Sang là điểm đến tham quan, vui chơi giải trí gắn liền với tài nguyên thiên nhiên sông nước miệt vườn, thu hút khách du lịch nội địa với nhiều hoạt động hấp dẫn, trong đó có chương trình "tát mương bắt cá", nổi tiếng một thời kết hợp tham quan vườn và thưởng thức trái cây. Với hoạt động này, KDL đã có sự kết hợp với các nhà vườn và NDĐP xung quanh điểm đến. 04 nhà vườn đã tham gia phục vụ du lịch 20 năm, từ những ngày đầu KDL mới thành lập được chọn để phỏng vấn nhóm. Đây là những nhà vườn "vệ tinh" liên kết hợp tác mang tính lâu dài với KDL Bến Thành Vinh Sang.

* Út Trinh homestay Vĩnh Long thuộc công ty Du lịch Mekong Travel, thành lập năm 2005, tại cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long. Điểm đến này không chỉ cung cấp dịch vụ lưu trú đơn thuần mà là nơi cung cấp những trải nghiệm cho du khách khi tham gia các hoạt động "một ngày làm nông dân" với nhiều hoạt động hấp dẫn, thú vị khác nhau, "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" để cảm nhận hết những nét đẹp văn hoá đặc sắc của vùng sông nước Nam Bộ. Đây là một trong những điểm thu hút khách quốc tế khi đến với du lịch Vĩnh Long. Phỏng vấn nhóm được tiến hành với 04 nhân viên là NDĐP. Đây là những người thuộc đối tượng phụ nữ yếu thế, hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Họ đã có những thay đổi tích cực về sinh kế, đời sống sau khi được làm việc tại đây.

* Somofarm Cửu Long kinh doanh theo mô hình du lịch trang trại sinh thái, nuôi trồng hữu cơ và sản phẩm làng nghề rượu gạo của địa phương, cung cấp các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, gắn với các giá trị văn hoá truyền thống nông thôn miền tây sông nước. Somofarm Cửu Long toạ lạc tại khóm 3, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, được Uỷ ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long công nhận Somofarm Cửu Long là điểm du lịch thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Somo Farm Cửu Long theo quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2023. SomoFarm Cửu Long là tâm huyết của ông Nguyễn Lâm Vinh Huy – Người sáng lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị tập đoàn SomoGroup và là người con của đất Vĩnh Long. Phỏng vấn sâu thông qua điện thoại được tiến hành với 05 nhân viên đồng thời là NDĐP và là lực lượng lao động trẻ.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, phương pháp điền dã, phương pháp thu thập thông tin, phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm, lấy nghiên cứu định tính là phương pháp chính.

Trước hết, phương pháp tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đây liên quan đến sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch bền vững. Nguồn tài liệu bao gồm sách, bài báo khoa học, các báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước và các văn bản liên quan đến phát triển du lịch tại tỉnh Vĩnh Long. Việc tổng hợp tài liệu giúp xác định khoảng trống nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và định hướng nội dung phỏng vấn.

Tiếp theo, nhóm nghiên cứu tiến hành điền dã thực địa tại một số điểm du lịch tiêu biểu của tỉnh Vĩnh Long nhằm quan sát trực tiếp các hoạt động du lịch, hình thức tham gia của người dân, điều kiện cơ sở vật chất và mối liên kết giữa các chủ thể trong phát triển du lịch. Quá trình điền dã giúp nhóm nghiên cứu hiểu rõ hơn bối cảnh địa phương, đồng thời đối chiếu và bổ sung cho dữ liệu thu thập từ phỏng vấn.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu và phỏng vấn nhóm. Tiêu chí lựa chọn người tham gia phỏng vấn gồm: (1) đang sinh sống tại địa phương từ 3 năm trở lên; (2) có tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch; (3) quan tâm về tình hình phát triển du lịch tại địa phương; và (4) sẵn sàng chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm thực tế. Phỏng vấn sâu được thực hiện với 03 người là chủ doanh nghiệp và quản lý của điểm du lịch (Bảng 1). Phương pháp phỏng vấn nhóm tập trung (focus group discussion) với tổng số 13 người dân địa phương đang tham gia hoạt động du lịch (Bảng 2). Người tham gia được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu dây chuyền (snowball sampling), bắt đầu từ quản lý điểm du lịch, sau đó giới thiệu thêm những người phù hợp khác. Việc lựa chọn mẫu bảo đảm tính đa dạng về mức độ tham gia và vai trò trong hoạt động du lịch. Các cuộc phỏng vấn diễn ra từ 1-2 giờ, xoay quanh chủ đề vai trò, mức độ tham gia của người dân địa phương và những lợi ích, những rào cản ảnh hưởng đến sự

tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững. Các câu hỏi trong nội dung trao đổi không theo cấu trúc mà chủ yếu dựa vào mạch câu chuyện chia sẻ. Độ bão hòa dữ liệu (data saturation) bắt đầu xuất hiện ở nhóm thứ 3, từ thứ tự đáp viên thứ 10 – 13. Sau khi thu thập những thông tin cần thiết, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích chủ đề (theme analysis) để nhận ra được các vấn đề chính liên quan đến nhận diện vai trò, mức độ tham gia và đặc biệt là những lợi ích, những rào cản của NDĐP khi tham gia vào hoạt động du lịch, góp phần phát triển du lịch bền vững của địa phương Vĩnh Long.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của chủ homestay và quản lý tham gia phỏng vấn sâu

STT/ Mã Đáp viên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị hoạt động du lịch
QL1	Nam	1984	KDL Bến Thành – Vinh Sang, cù lao An Bình
QL2	Nữ	1978	Út Trinh homestay, cù lao An Bình
QL3	Nữ	1987	Somofarm Cửu Long, Mang Thít

Nguồn: Nhóm nghiên cứu thống kê

Bảng 2. Đặc điểm nhân khẩu học của NDĐP tại ba điểm du lịch tham gia phỏng nhóm

STT/ Mã Đáp viên	Giới tính	Năm sinh	Đơn vị hoạt động du lịch
ĐV 1	Nữ	1953	KDL Bến Thành – Vinh Sang
ĐV 2	Nữ	1959	KDL Bến Thành – Vinh Sang
ĐV 3	Nữ	1950	KDL Bến Thành – Vinh Sang
ĐV 4	Nữ	1956	KDL Bến Thành – Vinh Sang
ĐV 5	Nữ	1982	Út Trinh homestay
ĐV 6	Nữ	1992	Út Trinh homestay
ĐV 7	Nam	1983	Út Trinh homestay
ĐV 8	Nữ	1961	Út Trinh homestay
ĐV 9	Nữ	1999	Somofarm Cửu Long
ĐV 10	Nữ	1989	Somofarm Cửu Long
ĐV 11	Nữ	1997	Somofarm Cửu Long
ĐV 12	Nam	1991	Somofarm Cửu Long

ĐV 13	Nam	2001	Somofarm Cửu Long

Nguồn: Nhóm nghiên cứu thống kê

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mức độ tham gia của NDĐP vào phát triển du lịch bền vững điểm đến Vĩnh Long

Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, hiện nay NDĐP tỉnh Vĩnh Long tham gia vào phát triển du lịch bền vững ở mức độ "thụ động" theo mô hình 7 bậc của Pretty. Đây là mức độ 1, mức độ thấp nhất, bởi vì NDĐP chỉ ở vai trò là "vệ tinh" hoặc là "người lao động" mà chưa thể hiện được mức độ tăng dần sự tham gia qua các bậc như Thông tin; Tư vấn; Khuyến khích; Chức năng; Tương tác; Chủ động. Vấn đề về mức độ tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch tại các địa phương khác ở Việt Nam cũng được khám phá và xác định ở mức độ "thụ động" [2], [7], [10], [15]. Giải thích cho những kết quả tương đồng này tại các địa phương về mức độ tham gia "thụ động" của người dân vào hoạt động du lịch có nhiều nguyên nhân, trong đó, vấn đề về nhận thức của NDĐP là yếu tố được đề cập nhiều nhất. Trong một khía cạnh của tâm lý học xã hội – ý thức xã hội, nhận thức như một lời giải thích về thái độ, động lực và phân loại của tập thể. Nhận thức là một quá trình cụ thể, xuất phát từ những cái chưa biết cho đến đã biết, biết nhiều hơn, từ những mức độ thấp đến cao, từ sự đơn giản đến phức tạp,… NDĐP ở 3 điểm du lịch tại Vĩnh Long khi được hỏi, cũng thể hiện việc nhận thấy được những lợi ích khi tham gia hoạt động du lịch nhưng chưa mặn mà với lợi ích lâu dài. Những hộ "vệ tinh" (có ký kết hợp đồng liên kết cung cấp dịch vụ) lại không cạnh tranh bằng các hộ làm tự phát (không ký kết hợp tác với các doanh nghiệp lớn hoặc tự phát kinh doanh vườn cây trái cho trải nghiệm du lịch mà không đăng ký kinh doanh) nên dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, vì vậy họ cũng thiếu niềm tin vào sự phát triển lâu dài.

"mấy hộ tự làm (tự phát không có đăng ký kinh doanh hay liên kết kinh doanh) *lại tự kéo khách bằng cách cho tiền các lái tàu tự do để đưa khách tới, mà vườn bên họ trái cây không nhiều đâu, khách người ta đòi qua vườn bên tôi"* (ĐV 1, ĐV 2).

Thu nhập thêm từ du lịch cũng bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ, đặc biệt là sau đại dịch Covid 19 cũng làm ảnh hưởng nhiều đến nhận thức của NDĐP trong việc tham gia hoạt động du lịch lâu dài. Theo thông tin từ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch, trước đại dịch, 4 xã cù lao có gần 30 hộ kinh doanh du lịch nhà vườn, nhưng sau dịch còn khoảng 20 hộ là duy trì hoạt động nhưng khách vẫn chưa phục hồi tốt.

Vĩnh Long có thể giống với nhiều nghiên cứu trước ở chỗ người dân chủ yếu tham gia vào du lịch theo hướng thụ động hoặc bán chủ động, tức là họ tham gia khi có chính quyền vận động, có doanh nghiệp kết nối hoặc khi nhìn thấy lợi ích kinh tế trực tiếp. Họ ít tham gia vào các khâu ra quyết định, lập kế hoạch hay quản lý điểm đến. Đây là hiện tượng phổ biến ở nhiều

địa phương du lịch cộng đồng tại Việt Nam [16]. Tuy nhiên, Vĩnh Long có một số đặc điểm khác biệt đáng chú ý. Thứ nhất, Vĩnh Long là địa phương có thế mạnh về du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch cù lao và văn hóa sông nước, trong đó phần lớn người dân vẫn sống dựa vào nông nghiệp, vườn cây ăn trái và hoạt động sinh kế truyền thống. Vì vậy, nhiều hộ gia đình xem du lịch là nguồn thu nhập bổ sung chứ chưa phải sinh kế chính. Điều này khiến họ có xu hướng tham gia ở mức độ vừa phải, chưa sẵn sàng đầu tư lớn hoặc thay đổi hoàn toàn mô hình sinh kế. Thứ hai, hoạt động du lịch tại Vĩnh Long hiện nay vẫn phụ thuộc khá nhiều vào doanh nghiệp lữ hành, chính quyền địa phương và các hộ kinh doanh đi trước. Người dân thường tham gia vào các công việc như bán trái cây, phục vụ ăn uống, lái tàu chở khách, bán hàng lưu niệm hoặc hỗ trợ homestay, nhưng ít có cơ hội tham gia vào việc xây dựng sản phẩm, quảng bá hay hoạch định chính sách du lịch. Đây là dạng "tham gia thụ động" hoặc "tham gia chức năng" theo phân loại của Prety và Tosun.

4.2. Vai trò của NDĐP khi tham gia phát triển du lịch bền vững điểm đến Vĩnh Long

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có thể phân chia NDĐP tham gia hoạt động du lịch thành 3 nhóm chính: tham gia với vai trò chủ doanh nghiệp (6.25%); tham gia với vai trò "vệ tinh" (25%); tham gia với vai trò "người lao động" (68.75%) (xem Bảng

Bảng 3. Vai trò tham gia hoạt động du lịch của NDĐP

Vai trò tham gia	Hoạt động cụ thể	Đáp viên
Chủ doanh nghiệp	- Chủ doanh nghiệp kinh doanh lữ hành và lưu trú	QL 2 Chiếm 6.25%
Nhà vườn **Vệ tinh**	- Cung cấp dịch vụ tát mương bắt cá, đáp ứng các yêu cầu gồm: mương để khách bắt cá; nước để vệ sinh; bàn hoặc bạt trải khi ngồi ăn; chén, đũa, dĩa, muỗng (còn lại là cá; nông cụ bắt cá; quy trình nướng cá do KDL chuẩn bị và cung cấp) - Cung cấp dịch vụ tham quan vườn trái cây - Cung cấp trái cây	ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4 Chiếm 25%
Người lao động	- Thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm (quản lý, phục vụ ẩm thực, phục vụ phòng buồng, hướng dẫn, thuyết minh tại điểm, sale, marketing…)	QL 1, QL 3, ĐV 5, ĐV 6, ĐV 7, ĐV 8, ĐV 9, ĐV 10, ĐV 11, ĐV 12, ĐV 13. Chiếm 68.75%

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ kết quả phỏng vấn

Với vị trí, vai trò khác nhau thì hình thức và mức độ tham gia vào hoạt động du lịch của NDĐP cũng có những khác biệt nhất định (xem Bảng

Trong phạm vi nghiên cứu, kết quả cho thấy tỷ lệ chủ doanh nghiệp chỉ chiếm 6.25%, điều này thể hiện người tham gia với vai trò sở hữu doanh nghiệp du lịch tại địa phương còn thấp, cộng đồng vẫn thiên về lao động trực tiếp hoặc tham gia theo hộ gia đình hơn là tham gia với vai trò nhà đầu tư hay chủ thể dẫn dắt thị trường. Nguyên nhân đến từ việc người dân còn hạn chế về vốn, kỹ năng quản lý, kinh nghiệm kinh doanh, khả năng tiếp cận thông tin và mức độ chấp nhận rủi ro khi đầu tư vào du lịch (QL 1); nhóm "người lao động" hầu như không tham gia vào các cuộc họp về phát triển du lịch tại địa phương, trừ người lao động ở cấp độ quản lý là có tham gia khi được sự phân công của chủ doanh nghiệp (QL 1, QL 3); các hộ với vai trò "vệ tinh" là có tham gia vì họ có sở hữu vườn cây ăn trái có thể khai thác du lịch độc lập nên họ khá chủ động hơn trong hoạt động đóng góp ý kiến phát triển du lịch địa phương. Có 100% (16/16) đáp viên đã tham gia các lớp tập huấn liên quan nghiệp vụ du lịch do quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương tổ chức, như: giao tiếp khách du lịch, phục vụ buồng, phục vụ ẩm thực, an toàn vệ sinh thực phẩm, nhưng chưa có lớp về du lịch bền vững. Những nội dung, kiến thức du lịch bền vững đa phần được tiếp cận qua tập huấn nội bộ do doanh nghiệp quản lý tự đào tạo, cập nhật nhằm đảm bảo chất lượng khi cung cấp dịch vụ cho khách. Đối với 02 nhóm với vai trò là "người lao động" việc tập huấn nội bộ liên quan nghiệp vụ được tập huấn mỗi tháng; còn nhóm "vệ tinh" chưa được đơn vị doanh nghiệp liên kết quan tâm nhiều vấn đề này.

Bảng 4. Sự khác nhau giữa sự tham gia hoạt động du lịch của NDĐP khi ở vai trò là "vệ tinh" và "người lao động" tại các điểm du lịch

Các tiêu chí so sánh	Vai trò "vệ tinh" của điểm du lịch	Vai trò người lao động của điểm du lịch
Mối quan hệ	Đối tác	Người làm công
Hình thức liên kết	Ký hợp đồng hợp tác	Ký hợp đồng lao động
Giá trị tư hữu	Vườn cây, ao cá, sức lao động	Trình độ chuyên môn, sức lao động
Yêu cầu công việc	Nhận và phục vụ khách từ điểm du lịch chính	Phục vụ khách theo vị trí việc làm
Lợi ích liên kết	Nhận lợi ích (tiền công) theo số lượng khách thực tế khách đến	Nhận lương theo tháng/ngày công làm việc
Lợi ích	Bán thêm các loại nông sản, thực	Đào tạo nội bộ để nâng cao nhận thức

tăng thêm	phẩm của hộ gia đình	và nghiệp vụ liên quan
Phân quyền	Có tham gia đóng góp ý kiến để đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ	Tiếp nhận chỉ đạo từ cấp quản lý để thực hiện đúng quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ kết quả phỏng vấn

4.3. Những lợi ích và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của NDĐP vào phát triển du lịch bền vững

4.3.1. Những lợi ích từ sự tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch

4.3.1.1. Tăng thu nhập và cải thiện đời sống

Lợi ích đầu tiên khi tham gia vào hoạt động du lịch của NDĐP là tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Sự kết hợp giữa sinh kế từ vườn cây ăn trái với hoạt động phục vụ du lịch đã được thực hiện hơn 20 năm; Giá bán trái cây cho các thương lái không nhiều bằng bán cho khách du lịch đến tại vườn (ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4). Điều này giúp gia tăng giá trị kinh tế các nông sản, thực phẩm. Còn đối với các đáp viên với vai trò "người lao động" thì nhận nguồn thu nhập ổn định từ lương và có những khoản thưởng vào các dịp lễ, tết hay mùa cao điểm của du lịch.

4.3.1.2. Giải quyết việc làm

Lợi ích tiếp theo mà người dân nhận được đó là vấn đề giải quyết việc làm và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động nông nhàn. Ngoài thời gian canh tác trên các vườn cây ăn trái, các hộ "vệ tinh" thực hiện các dịch vụ hợp tác với doanh nghiệp như tổ chức "tát mương bắt cá", "thu hoạch trái cây", "thuyết minh về các nông cụ, văn hoá, vùng đất, con người (ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4), một vài điểm vườn thực hiện dịch vụ nấu ăn với các món dân dã, đặc sản địa phương.

Đối với một số trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, là phụ nữ yếu thế (ĐV 5, ĐV 7, ĐV 8) (gia đình nghèo, có chồng ngược đãi, bạo lực gia đình) khi được nhận vào làm nhân viên cho doanh nghiệp du lịch thì cuộc sống đã hoàn toàn thay đổi, họ được đào tạo nghiệp vụ, thoát khỏi những vấn đề tiêu cực gặp phải, giúp nâng cao đời sống tinh thần cũng như vật chất (QL 2).

Đối với lực lượng lao động trẻ, sau khi tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thì tìm được việc làm phù hợp ngay trên quê hương của mình, được cống hiến sức lao động và được làm việc ở gần nhà để chăm sóc gia đình, chăm sóc ông bà, cha mẹ (QL 1, QL 2, ĐV 9, ĐV 10, ĐV 11, ĐV 12, ĐV 13).

4.3.1.3. Hưởng lợi từ việc phát triển cơ sở hạ tầng

Du lịch địa phương phát triển kéo theo cơ sở hạ tầng địa phương cũng được đầu tư phát triển. Nhờ đó mà NDĐP được hưởng lợi ích từ việc phát triển "điện, đường, trường, trạm". Điều kiện đi lại thuận tiện hơn từ đường thuỷ đến đường bộ. Chính sách "nhà nước và nhân dân cùng làm" trong phát triển cơ sở hạ tầng còn tạo điều kiện để người dân và các đơn vị doanh nghiệp du lịch hợp tác phát triển. Con đường dẫn vào trang trại sinh thái Somofarm Cửu Long là một ví dụ điển hình, hơn 3km đường trải nhựa từ nguồn vốn của Nhà nước, doanh nghiệp SomoGroup và hiến đất của NDĐP (ĐV 9, ĐV 10, ĐV 11, ĐV 12, ĐV 13).

4.3.1.4. Góp phần bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương

Khi tham gia vào hoạt động du lịch, NDĐP cũng nhận thức được về giá trị bản sắc văn hoá địa phương rất quan trọng nên tích cực bảo vệ những giá trị văn hoá thông qua các hoạt động hằng ngày khi phục vụ khách du lịch. Hướng dẫn khách thưởng thức, trải nghiệm các đặc sản, món ăn địa phương; thuyết minh, giải thích cho khách về những đối tượng, phương tiện, nông cụ, sản phẩm làng nghề truyền thống, từ đó làm rõ các giá trị đặc sắc ẩn chứa bên trong, tăng sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch (ĐV 7, ĐV 8, ĐV 13). Việc tích cực bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương còn thể hiện qua nếp sinh hoạt tại nhà và qua hoạt động cùng ăn, cùng ở cùng làm giữa người dân và du khách (ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4, ĐV 5, ĐV 8).

Bảng 5. Những lợi ích khi NDĐP tham gia hoạt động du lịch

Những lợi ích khi NDĐP tham gia hoạt động du lịch	Tỷ lệ đồng thuận của 16 đáp viên
Tăng thu nhập và cải thiện đời sống	100%
Giải quyết việc làm	100%
Hưởng lợi từ việc phát triển cơ sở hạ tầng	100%
Góp phần bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương	100%

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ kết quả phỏng vấn

4.3.2. Các rào cản đối với sự tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch

4.3.2.1. Hạn chế về nhận thức của NDĐP về du lịch và PTDLBV

Như đã đề cập, vấn đề nhận thức của NDĐP là yếu tố được các nhà nghiên cứu xác nhận tạo ra rào cản trong quá trình tham gia hoạt động du lịch. Mặc dù họ có những nhận thức về lợi ích thiết thực từ hoạt động du lịch mang lại, nhưng vẫn còn rời rạc, chưa bao quát, chưa chuyên sâu. Các đáp viên nhận thức về PTDLBV và vai trò tham gia hoạt động du lịch chưa thật sự rõ ràng, từ đó nhận định về chức trách và nhiệm vụ khi tham gia hoạt động du lịch chưa thật sự chủ động. Nhận thức về du lịch bền vững rời rạc, chưa liên kết 3 chân kiềng quan trọng là kinh tế, văn hoá – xã hội và môi trường. Chủ yếu hiểu theo cách tiếp cận đơn giản: "chu đáo, sạch sẽ,

an toàn để bền vững"; "vệ sinh nhà tắm, bồn cầu sạch sẽ là bền vững" (ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4); "khách hài lòng là bền vững" (ĐV 12, Đ 13); "phân loại rác, dành rác hữu cơ cho nuôi trồng là bền vững" (ĐV 9); "sử dụng nguồn thực phẩm của địa phương là bền vững" (ĐV 11).

Vấn đề nhận thức nhằm PTDLBV còn thể hiện ở trình độ chuyên môn du lịch khi tham gia phục vụ. Chỉ có 01/16 đáp viên được hỏi là có trình độ đại học liên quan du lịch, đó là chuyên ngành hướng dẫn du lịch (ĐV 13); có 07/16 đáp viên có trình độ từ trung cấp đến đại học thuộc chuyên ngành kinh tế, kế toán (QL 1, QL 2, QL 3, ĐV 9, ĐV 10, ĐV 11, ĐV 12). Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nhân lực phục vụ du lịch, ảnh hưởng đến quá trình phát triển du lịch theo hướng bền vững. Thái độ của cộng đồng địa phương tham gia phát triển DLBV chịu ảnh hưởng từ nhận thức và chất lượng cuộc sống [8]. NDĐP Vĩnh Long đang nhận thức về lợi ích du lịch mang lại chưa đủ lớn để vượt qua những thách thức khác thì hành vi tham gia vào phát triển du lịch sẽ bị hạn chế.

4.3.2.2. Lực lượng lao động kế thừa của các hộ nhà vườn làm du lịch đang bị mai một

Lực lượng kế thừa của những điểm nhà vườn làm du lịch và là "vệ tinh" cho các điểm đến đang bị mai một do nhận thức về lợi ích khi tham gia hoạt động du lịch của họ chưa rõ ràng. Nếu các hộ gia đình đã hoạt động du lịch trên 20 năm, nhận thức được du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, mang lại nhiều lợi ích to lớn, lâu dài thì các thế hệ con cháu đã lựa chọn chuyên ngành này để học tập, nghiên cứu và hoạt động.

Nghiên cứu cho thấy phần lớn tuổi của các đáp viên nhà vườn "vệ tinh" từ 60 tuổi trở lên, đây là người của thế hệ 5X, vì vậy sức khoẻ cũng như trình độ đã có những hạn chế nhất định trong quá trình tham gia hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, nhận thức của thế hệ con cháu của họ vì kinh tế nhiều hơn là về bảo tồn giá trị văn hoá và vì lợi ích nhận được chưa tương xứng với sự đầu tư về công sức, kinh phí nên cũng tạo nên rào cản nhất định. Những chia sẻ từ đáp viên như: *"con cháu không tham gia vào hoạt động du lịch vì thu nhập không tương xứng so với công sức bỏ ra"* (ĐV 1, ĐV 4); *"trong gia đình có lao động chính, đảm bảo kinh tế nên không ủng hộ cha mẹ tham gia hoạt động du lịch để kiếm thêm thu nhập"* (ĐV 2, ĐV 3) đã thể hiện lực lượng kế thừa của các điểm nhà vườn đang là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tham gia của NDĐP vào hoạt động du lịch và phát triển du lịch bền vững.

4.3.2.3. Sự tự phát trong hoạt động kinh doanh du lịch nhà vườn

Trong quá trình nghiên cứu thực địa, nhóm nghiên cứu nhận thấy còn có những hộ dân địa phương có vườn trái cây và họ tự phát làm du lịch nhà vườn. Họ nhận thấy khi làm nông nghiệp vườn cây ăn trái kết hợp với phục vụ du lịch thì tăng thu nhập thêm nên tự đón khách, tự phục vụ khách vì cái lợi trước mắt mà không theo quy hoạch phát triển lâu dài. Mâu thuẫn nảy sinh từ những nhà vườn tự phát và nhà vườn có ký kết hợp tác với doanh nghiệp. Chính sự tự phát trong hoạt động kinh doanh du lịch thiếu sự quy hoạch sẽ dẫn đến những hiện tượng như kinh doanh du lịch không được cấp phép, cò mồi, không niêm yết giá, kê giá cao, bán sản

phẩm không đảm bảo chất lượng… ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững lâu dài của hoạt động du lịch. Vì vậy, để PTDLBV hơn trong tương lai, quản lý chính quyền địa phương cần có những chính sách khuyến khích NDĐP tham gia hoạt động du lịch một cách có tổ chức, có quy hoạch.

4.3.2.4. Thiếu động lực cho người dân tham gia hoạt động du lịch

Rào cản chính của vấn đề là chính sách trả công của các doanh nghiệp đối với nhà vườn "vệ tinh". Việc ký kết hợp tác giữa nhà vườn "vệ tinh" với doanh nghiệp kinh doanh du lịch sẽ đảm bảo được nguồn khách ổn định và chính sách trả công công khai, minh bạch. Trường hợp điểm du lịch Vinh Sang, do các nhà vườn đã ký kết hợp đồng cách nay 20 năm (từ năm 2005) và vẫn giữ nguyên mức giá mà chưa có thay đổi. Hiện nay, do công ty Bến Thành tourist đã mua lại và chuyển đổi tên thành Khu du lịch Bến Thành Vinh Sang nên các nhà vườn mong muốn ký lại hợp đồng hợp tác mới, với điều khoản giá công cho dịch vụ tát mương bắt cá được nâng lên, tương xứng công sức lao động (từ khâu chuẩn bị, phục vụ, vệ sinh) vì chi phí điện, nước, công lao động trên thị trường đã tăng trong nhiều năm qua. Nổi bật nhất trong thảo luận về động lực khiến họ tham gia du lịch địa phương được hầu hết đáp viên trả lời là chính sách thù lao cho việc tham gia còn chưa hấp dẫn họ. Việc trả thù lao cho việc tham gia ở đây chủ yếu do các công ty du lịch tự quyết, người dân gần như chưa có cơ hội thương thảo hay đòi hỏi quyền lợi cho việc tham gia từ bấy lâu nay nhưng bản thân họ cũng nhận thấy việc trả thù lao cho việc tham gia từ các công ty du lịch và lữ hành là chưa thoả đáng. Ý kiến như *"cho bao nhiêu tiền/1 khách khi hợp tác thì nhận bấy nhiêu (suốt 20 năm qua), không có đòi hỏi thêm*, hay *"bây giờ vật giá lên nhiều nên mong muốn ký lại hợp đồng mới và tăng giá tiền công khi phục vụ khách"* là những ý kiến được nêu ra mang tính thống nhất và lặp lại giữa các đáp viên tham gia trong các cuộc phỏng vấn. Bên cạnh đó, một vài hộ nhà vườn cũng cần có nguồn kinh phí để nạo vét ao, mương để phục vụ hoạt động "tát mương bắt cá" được chuyên nghiệp hơn, được mở rộng hơn *"có ao sẵn mới được hợp tác; mà đào ao thì phải có kinh phí"* (ĐV 3). Một vấn đề nữa, đó là do thời gian hoạt động phục vụ tát mương bắt cá đã qua nhiều năm nên các phương tiện, nông ngư cụ bằng tre cần được đầu tư mới do bị mụt, cũ, rách, gãy... nên nguyện vọng của họ là *"đề nghị doanh nghiệp hỗ trợ dụng cụ tát mương bắt cá đã hư, cũ như nôm, rổ, đồ đựng cá bằng tre"* (ĐV 1, ĐV 2, ĐV 3, ĐV 4).

Bên cạnh đó, các hộ dân muốn đầu tư để mở rộng dịch vụ nhưng kinh phí hạn hẹp. Họ cũng có "nghe nói" về việc Nhà nước hỗ trợ vốn nhưng chưa biết sẽ làm như thế nào hay khi nào mới được hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí này.

4.4. Hàm ý chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững

Nhằm tăng cường sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững tỉnh Vĩnh Long, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý về du lịch cần có những chính

sách khuyến khích sự tham gia của NDĐP nhằm tăng cường vai trò làm chủ của "cư dân bản địa" thì mới phát huy được "tiềm lực" quan trọng sẵn có này.

Trước hết, cần có chính sách đầu tư, phát triển du lịch cộng đồng, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, ngân sách, đề án đầu tư, hỗ trợ khôi phục, bảo tồn văn hoá truyền thống, làng nghề; hỗ trợ, nâng cấp cơ sở hạ tầng đang bị xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được trong phục vụ du lịch như khu vực bên bờ cù lao An Bình cần có bến tàu khách, bãi đỗ xe, trung tâm điều hành – tư vấn du lịch…

Thứ hai, nghiên cứu và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí để phát triển các sản phẩm gắn với giá trị cộng đồng, đặc sản địa phương, phát huy chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP để tăng thu nhập cho NDĐP và du lịch. Chính sách cũng cần quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm bảo vệ môi trường của NDĐP để nâng cao ý thức chấp hành quy định bảo vệ môi trường; phát triển sản phẩm sinh thái, hữu cơ, sản phẩm sạch để phục vụ du khách, qua đó cũng vận động, tuyên truyền khách du lịch cùng tham gia vào hoạt động du lịch bền vững của địa phương.

Thứ ba, cần có những chính sách khuyến khích thiết thực và gắn liền với những lợi ích khi NDĐP tham gia hoạt động du lịch. Cụ thể là hỗ trợ kinh phí để kinh doanh du lịch. Hiện nay đã có chương trình hỗ trợ 100 triệu đồng/hộ kinh doanh du lịch nhưng toàn tỉnh chỉ mới duyệt và cấp cho 02 điểm du lịch ở cù lao An Bình.

Thứ tư, nâng cao nhận thức người dân về những lợi ích đạt được khi tham gia hoạt động du lịch, các luật định liên quan. NDĐP còn bị rào cản bởi quy định của luật đất đai, khi chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất kinh doanh dịch vụ du lịch thì nguồn phí chuyển đổi cao, nên họ cần sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền và liên ngành. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân vai trò làm chủ, vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững.

Thứ năm, NDĐP cũng cần có chính sách hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ. Cơ quan quản lý nhà nước cần liên tục mở các lớp ngắn hạn tập huấn kỹ năng nghiệp vụ phục vụ lưu trú, phục vụ ăn uống, lớp ngoại ngữ giao tiếp, lớp an toàn sức khỏe cho du khách và người phục vụ;…

Cuối cùng là, Cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch tại địa phương; giúp NDĐP tiếp cận được nhiều kênh phân phối và công cụ marketing; quảng bá và bán được nhiều sản phẩm – dịch vụ du lịch, có như thế NDĐP càng nhận thấy hiệu quả của việc tham gia hoạt động du lịch sẽ càng phát huy vai trò chủ động của họ.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã khám phá sự tham gia của NDĐP tại các điểm đến du lịch ở Vĩnh Long trong PTDLBV thông qua tiếp cận định tính. Điều này có ý nghĩa trong việc nắm bắt được thực trạng sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch của địa phương và làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo trong đánh giá chính xác vai trò khi tham gia của cộng đồng địa phương ở Vĩnh Long trong phát triển du lịch bền vững với một phạm vi rộng hơn. Bởi lẽ, sự tham gia của NDĐP sẽ góp phần tăng tính trải nghiệm câu chuyện du lịch cho du khách, tăng cường tính liên kết giữa bên cung và bên cầu, gắn kết giữa du khách và địa phương.

Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa các mô hình hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương nhưng sự tham gia của người dân nơi đây đều thể hiện sự "thụ động" từ "nhận thức" đến các "hoạt động" khi tham gia du lịch trong vai trò "vệ tinh" và "người lao động". Bên cạnh những lợi ích thiết thực khi NDĐP tham gia hoạt động du lịch như (1) tăng thu nhập và cải thiện đời sống, (2) giải quyết việc làm, (3) hưởng lợi từ phát triển cơ sở hạ tầng, (4) góp phần bảo vệ bản sắc văn hoá địa phương; thì vẫn tồn tại những rào cản như (1) nhận thức của NDĐP; (2) lực lượng lao động kế thừa của các hộ nhà vườn làm du lịch; (3) sự tự phát trong hoạt động kinh doanh du lịch nhà vườn; (4) Những khuyến khích tạo động lực cho người dân tham gia hoạt động du lịch.

Điểm mới của nghiên cứu là làm rõ mức độ, hình thức và bản chất sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh đặc thù của tỉnh Vĩnh Long là "thụ động"; NDĐP nhận thức được "lợi ích từ du lịch" nhưng nguồn thu từ kinh doanh du lịch như là một phần bổ sung thêm cho sinh kế truyền thống nông nghiệp mà không phải là nguồn thu chính; bên cạnh đó lực lượng kế thừa đang mai một dần trong khi hình thức đặc trưng của nhà vườn làm du lịch tại Vĩnh Long là "cha truyền, con nối" và "hình thức kinh doanh nhỏ lẻ" nên cũng ít thu hút được các tập đoàn kinh doanh lớn đến để đầu tư phát triển. Đứng trước những rào cản còn tồn tại đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất các chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch bền vững.

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định, nghiên cứu này cũng còn một số hạn chế về việc chỉ tập trung nghiên cứu đối tượng NDĐP. Tuy nhiên, đây cũng là điểm sẽ được khai thác trong những nghiên cứu tiếp theo khi mở rộng chủ đề với những thành phần liên quan như quản lý nhà nước, doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, nghiên cứu có thể mở rộng thêm các điểm du lịch khác để đa dạng thêm các loại hình kinh doanh du lịch thì những khám phá về mức độ, vai trò sự tham gia của NDĐP sẽ đầy đủ hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đoàn Hạnh Dung và Trương Thị Thu Hà (2019), "Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch tại làng Thanh Thủy Chánh, Huế", *Hue Univ. J. Sci. Soc. Sci. Humanit.*, vol. 128, no. 6D, pp. 101–119, doi: 10.26459/hueuni-jssh.v128i6d.5467.
2. Hồ Thị Thanh Thanh và Nguyễn Thị Như Hoa (2022), "Đánh giá sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Làng Nam Ô – Đà Nẵng", *Hue Univ. J. Sci. Econ. Dev.*, vol. 131, no. 5C, pp. 217–245, doi: 10.26459/hueunijed.v131i5c.6599.
3. Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Văn Đà và Đào Ngọc Cảnh (2022), "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia phát triển du lịch của người dân địa phương: trường hợp tỉnh Kiên Giang", *TNU J. Sci. Technol.*, vol. 227, no. 12, pp. 45–52, doi: 10.34238/tnu-jst.6240.
4. R. J. Johnston and T. J. Tyrrell (2005), "A dynamic model of sustainable tourism", *J. Travel Res.*, vol. 44, no. 2, pp. 124–134, doi: 10.1177/0047287505278987.
5. R. Brokaj (2014), "Local Government`S Role in the Sustainable Tourism Development of a Destination", *Eur. Sci. J.*, vol. 10, no. 31, pp. 1857–7881.
6. C. Tosun (2000), "Limits to community participation in the tourism development process in developing countries", *Tourism Management 21*.
7. Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà và Lê Anh Tuấn (2019), "Nghiên cứu sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại Rừng Dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh – Hội An", *Hue Univ. J. Sci. Soc. Sci. Humanit.*, vol. 128, no. 6D, pp. 53–70, doi: 10.26459/hueuni-jssh.v128i6d.5417.
8. Lê Chí Công, Nguyễn Văn Ngọc và Nguyễn Thị Hồng Trâm (2017), "Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức lợi ích, chất lượng cuộc sống đến thái độ và hành vi tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững của cộng đồng địa phương tại Duyên Hải Miền Trung", *Tạp chí Kinh tế đối ngoại, Trường ĐH Ngoại Thương*, vol. 99, pp. 1–14.
9. L. Kurniawati and P. V Adinata (2018), "Identifying the opportunities for developing sustainable tourism based on community tourism awareness and social entrepreneurship intentions", *1st Int. Conf. Soc. Sci.*, no. November, pp. 661–667.
10. Mai Lệ Quyên (2017), "Các nhân tố tác động đến sự tham gia của người dân trong phát triển dịch vụ du lịch bổ sung tại các điểm di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị", *Hue Univ. J. Sci. Econ. Dev.*, vol. 126, no. 5D, p. 95, doi: 10.26459/hueuni-jed.v126i5d.4497.

11. H. T. Tam (2024), "Halal culture in sustainable tourism development", vol. 13, no. 3, pp. 133–138.

12. N. Van Tam, H. T. Hoa, T. T. Ngoc, và T. Tuyen (2024), "Factors affecting local people's participation in rural tourism activities – a systematic review", vol. 229, no. 08, pp. 320–324.

13. Bùi Thế Tuân, Hồ Lương Xinh, Hồ Lương Nhật Vinh và Lê Thanh Liêm (2023), "Sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh", pp. 2023–2025.

14. Nguyễn Thị Kim Nhung (2014), "Lý thuyết về 'sự tham gia của cộng đồng' trong hoạch định chính sách và khả năng vận dụng vào quá trình ban hành các quyết định về môi trường ở Việt Nam", *Xã hội học*, vol. 2 (216), no. 126, pp. 71–81.

15. Nguyễn Thị Bích Thủy (2017), "Hợp tác giữa các bên liên quan trong mạng lưới du lịch để phát triển bền vững tại điểm đến Đà Nẵng", *Hue Univ. J. Sci. Econ. Dev.*, vol. 126, no. 5C, p. 45, doi: 10.26459/hueuni-jed.v126i5c.4572.

16. Nguyễn Minh Đức và Trần Nguyên Thành (2024), "Sự tham gia của người dân vào phát triển du lịch cộng đồng trước và sau dịch Covid-19: trường hợp nghiên cứu tại Mộc Châu, Sơn La", *Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam*, 19 (12), 1662–1671, https://vie.vjas.vn/index.php/vjasvn/article/view/923.